

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2020/DS-PT

Ngày 23 - 9 - 2020

V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thanh

*Các Thẩm phán:* Bà Vũ Thị Nguyệt

Bà Lê Thị Vân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Nghi – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 117/2020/TLPT-DS ngày 25/8/2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2020/DS-ST ngày 16/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lâm H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 287/2020/QĐ-PT ngày 26/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 109/2020/QĐ-PT ngày 15/9/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị M, sinh năm 1969. Cư trú tại: Thôn Đạ S, xã Đạ K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bà Trương Thị M ủy quyền cho ông Hoàng Rung K, sinh năm 1993. Cư trú tại: Số 75, TDP Cô Ya, thị trấn Đình V, huyện Lâm H, tỉnh Lâm Đồng (theo văn bản ủy quyền lập ngày 14/9/2020) - Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần V, sinh năm 1993. Cư trú tại: Thôn Bằng T, xã Phú S, huyện Lâm H, tỉnh Lâm Đồng - Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Lã Văn T, sinh năm 1967. Cư trú tại: Thôn Đạ S, xã Đạ K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng - Vắng mặt.

3.2. Ông Trần H, sinh năm 1958. Cư trú tại: Thôn Bằng T, xã Phú S, huyện Lâm H, tỉnh Lâm Đồng - Có mặt.

3.3. Bà Cung Thị C, sinh năm 1960. Cư trú tại: Thôn Bằng T, xã Phú S, huyện Lâm H, tỉnh Lâm Đồng - Có mặt.

3.4. Bà Lã Thị P, sinh năm 1992. Cư trú tại: Thôn Đa S, xã Đa K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng – Vắng mặt.

\* Người kháng cáo: Ông V - Bị đơn.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hoàng Rung K trình bày:*

Vào ngày 20/3/2019 bà M có cho ông V vay số tiền là 30.000.000 đồng, khi vay hai bên có viết giấy vay tiền với nhau, có chữ ký của ông V. Lãi suất hai bên thỏa thuận là 20%/tháng. Số tiền này ông V hẹn đến ngày 20/4/2019 sẽ trả cả gốc và lãi cho bà M. Đến thời hạn trả nợ thì ông V không trả cho bà M tiền gốc và tiền lãi suất mặc dù bà M đã yêu cầu trả ông V trả nợ nhiều lần.

Nay bà M khởi kiện yêu cầu ông V phải trả cho bà M số tiền gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi suất tính từ ngày 20/4/2019 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án, tạm tính là 13 tháng với mức lãi suất là 0,83%/tháng, cụ thể:  $30.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 13 \text{ tháng} = 3.237.000 \text{ đồng}$ . Tổng cộng ông V phải trả cho bà M là 33.237.000 đồng.

*Bị đơn ông V trình bày:*

Vào ngày 20/3/2019 ông có vay của bà M số tiền là 30.000.000 đồng, khi vay hai bên có viết giấy tờ với nhau và thỏa thuận theo lãi suất của ngân hàng. Thời hạn trả nợ là 30 ngày kể từ ngày vay, chữ ký trong giấy vay tiền là chữ ký của ông. Số tiền này ông là người vay tiền của bà M chứ không phải của bà N, ông có nghe nói lại số tiền đó là bà M mượn của bà N. Khi viết giấy vay tiền xong thì bà M không giao tiền mặt cho ông mà bà M hẹn ông đến tối đến lấy tiền. Khi thỏa thuận vay tiền thì bà M có yêu cầu ông thế chấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tải Kia biển kiểm soát 49C-046.34 thì bà M mới đưa tiền nhưng trong giấy vay tiền không thể hiện vấn đề này.

Tối cùng ngày ông và mẹ ông có đến nhà bà M để lấy tiền nhưng mà M không đưa tiền cho ông. Từ đó đến nay ông cũng không đến nhà bà M để yêu cầu bà M đưa số tiền 30.000.000 đồng mà ông đã vay của bà M. Mục đích ông vay số tiền trên là để mua bộ trống riêng cho bố ông là ông Trần H không liên quan đến việc góp vốn của bố mẹ ông với vợ chồng ông T, bà M. Trước đó giữa bố mẹ ông với vợ chồng ông T, bà M có làm ăn chung với nhau các bên có mua dàn nhạc, xe tải chung, mỗi bên góp số tiền là 128.000.000 đồng. Tổng số tiền góp vốn là

256.000.000 đồng. Số tiền 30.0000.000 đồng mà ông vay của bà M không liên quan đến việc góp vốn làm ăn chung giữa bố mẹ ông với vợ chồng ông T, bà M. Việc góp vốn giữa bố mẹ ông với vợ chồng ông T, bà M sau đó xảy ra tranh chấp và đã được giải quyết bằng Bản án số: 26/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Nay bà M khởi kiện yêu cầu ông phải trả cho bà M số tiền gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi suất tính từ ngày 20/4/2019 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án, tạm tính là 13 tháng với mức lãi suất là 0,83%/tháng, cụ thể: 30.000.000 đồng x 0,83% x 13 tháng = 3.237.000 đồng. Tổng số tiền bà M yêu cầu ông phải trả cho bà M là 33.237.000 đồng thì ông không đồng ý vì lý do ông chỉ ký vào giấy vay tiền chứ ông không được nhận số tiền vay của bà M. Ông không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh là ông chưa nhận tiền của bà M nhưng ông khẳng định ông chưa nhận tiền mặt của bà M mà chỉ ký vào giấy vay tiền.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lã Văn T trình bày:*

Ngày 01/4/2019 vợ của ông H là bà C có đến nhà ông để viết giấy thỏa thuận làm ăn nhưng khi đó ông không có ở nhà chỉ có vợ ông là bà M ở nhà. Hai bên thỏa thuận làm ăn như thế nào thì ông không nắm rõ. Trong hợp đồng làm ăn có ghi tên ông nhưng thực tế ông không có ở nhà và không ký hợp đồng làm ăn. Khi hai bên làm ăn về dàn nhạc thì ông không biết gì nên mẹ ông V có đến nhà gặp và hai bên có ký vào giấy hợp đồng làm ăn. Ông là người trực tiếp đi mua dàn nhạc, quản lý và sử dụng dàn nhạc. Việc làm ăn chung này thì ông đã được Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử bằng bản án có hiệu lực pháp luật không liên quan đến số tiền 30.000.000 đồng mà bà M cho ông V vay. Ngày 20/3/2019 bà M cho ông V vay tiền thì ông không có mặt nên không biết việc thỏa thuận vay tiền cụ thể như thế nào, thời hạn trả nợ ra sao vì vậy không liên quan gì đến ông.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Trần H, bà Cung Thị C trình bày:*

Vợ chồng ông và vợ chồng ông T, bà M có góp vốn làm ăn chung mỗi bên góp số tiền là 128.000.000 đồng. Sau đó các bên phát sinh tranh chấp và đã được giải quyết bằng Bản án số: 26/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Ông bà có đưa cho ông V 01 cả vệt xe ô tô tải Kia, số tiền 30.000.000 đồng ông V vay của bà M không phải để góp vốn vào việc làm ăn chung của vợ chồng ông bà với vợ chồng Thao, bà M. Ông V là con của vợ chồng ông bà vay tiền của bà M thì bà M hẹn ông bà cùng ông V đến 19 giờ ngày 20/3/2019 đến nhà bà M để lấy tiền nhưng khi đến lấy tiền thì bà M không giao tiền cho ông V. Nay bà M khởi kiện ông V phải trả số tiền là 30.000.000 đồng và

tiền lãi thì vợ chồng ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng ông bà không có ý kiến và yêu cầu gì.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lã Thị P trình bày:*

Vào ngày 20/3/2019 ông V có vay của bà M số tiền là 30.000.000 đồng. Bà là người viết giấy vay tiền dùm cho bà M và ông V. Trước đây bố mẹ bà và vợ chồng ông H, bà C có góp vốn làm ăn chung như bà M trình bày, sau đó các bên xảy ra tranh chấp và đã được giải quyết bằng Bản án số: 26/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Nay bà M khởi kiện ông V phải trả số tiền gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra bà không có ý kiến và yêu cầu gì.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2020/DSST ngày 16/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lâm H đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị M, buộc ông V phải trả cho bà Trương Thị M số tiền gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi suất là 3.750.000 đồng. Tổng cộng là 33.750.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/7/2020, bị đơn ông V kháng cáo không đồng ý trả cho bà M số tiền 33.750.000 đồng, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại phiên tòa hôm nay:* Bị đơn ông V vẫn giữ nguyên kháng cáo, nguyên đơn không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lã Văn T, bà Lã Thị P mặt dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông V thì thấy rằng:

[3.1] Theo giấy vay tiền ngày 20/3/2019 thể hiện ông V có vay của bà Trương Thị M số tiền 30.000.000 đồng là có xảy ra trên thực tế (Bút lục số 15). Khi vay hai bên có lập giấy viết tay với nhau và thỏa thuận lãi suất là 20%/ tháng, thời hạn vay là 30 ngày kể từ ngày vay có người làm chứng là bà N và bà Hanh.

Đến hạn trả nợ ông V không trả cho bà M nên bà M khởi kiện yêu cầu ông V trả cho bà M số tiền trên và lãi suất theo quy định của pháp luật nhưng ông V không đồng ý. Ông V thừa nhận chữ ký trong giấy vay tiền là của ông nhưng ông cho rằng chỉ ký giấy vay tiền chứ bà M chưa giao tiền cho ông.

[3.2]. Xét thấy, ông V là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi ông V ký giấy vay tiền là đã tự mình xác lập, thực hiện giao dịch dân sự nên ông V phải chịu trách nhiệm với việc ký giấy vay tiền của mình. Hơn nữa, thời điểm vay tiền là ngày 20/3/2019 cho đến nay ông V không có ý kiến gì về việc bà M không giao tiền cho ông, hay gặp bà M để yêu cầu bà M giao tiền cho ông. Tại giai đoạn sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm ông V có kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của mình.

[3.3] Mặc khác, tại biên bản xác minh ngày 15/5/2020 bà Nguyễn Thị Nhâm và bà Lê Thị Hanh cùng xác định, vào ngày 20/3/2019 khi ông V đến nhà bà M vay tiền thì hai bà đều có mặt ở nhà bà M. Tuy nhiên, khi hai bên thỏa thuận việc cho vay và viết giấy tờ vay với nhau thì bà N và bà Hanh ở phía ngoài, còn bà M và ông V làm việc phía trong nên việc ghi giấy tờ như thế nào và bà M có giao tiền cho ông V không thì bà N và bà Hanh không chứng kiến, nên bà N và bà Hanh cũng không ký vào giấy tờ với tư cách người làm chứng mà do bà Phương tự ghi vào (Bút lục số 43, 44).

[3.4] Tại biên bản lấy lời khai bà Lã Thị Nhã Phương (con gái bà M) khai, bà là người trực tiếp viết giấy vay tiền đề ngày 20/3/2019 và trực tiếp chứng kiến việc bà M cho ông V vay số tiền 30.000.000 đồng ông V đã ký vào giấy vay tiền là đúng (Bút lục số 42).

[3.5] Ông V cho rằng bố ông và ông T làm ăn chung với nhau nên ông vay số tiền 30.000.000 đồng của bà M là để góp vốn cho bố ông là ông Trần H làm ăn chung với ông Lã Văn T (Bút lục số 24). Tuy nhiên, tại Bản án số 26/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ thể hiện trong khoản tiền đóng góp chung để kinh doanh giàn âm thanh và mua xe ô tô giữa ông T với ông H vào năm 2018 thì không đề cập đến số tiền ông V vay của bà M vào ngày 20/3/2019; Đối với số tiền 30.000.000 đồng mà ông H khai là “Ngoài việc góp vốn trên, ông T do không có tiền để góp vốn nên có nhờ ông vay bà N 30.000.000 đồng nên yêu cầu ông T có trách nhiệm trả ông số tiền này” (Bút lục số 31-34). Quá trình giải quyết vụ án thì ông H đã rút yêu cầu khởi kiện số tiền này.

Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm cả ông H, bà C đều khẳng định số tiền 30.000.000 đồng nói trên không liên quan đến việc góp vốn làm ăn giữa ông H, bà C và ông T (Bút lục số 86, 87).

Đối với việc ông V khai khi vay tiền thì có thể chấp cho bà M cả vệt xe ô tô KIA biển kiểm soát 49C-046.34. Tuy nhiên, trong giấy vay tiền ngày 20/3/2019 không thể hiện có việc thế chấp này và bà M cũng không thừa nhận và các bên đương sự không tranh chấp liên quan đến nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu tính lãi suất từ ngày 20/3/2019 – ngày 20/6/2020 là:  $30.000.000 \text{ đồng} \times 15 \text{ tháng} \times 0,83\% = 3.750.000 \text{ đồng}$  là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với phần này nguyên đơn không có kháng cáo nên chỉ xem xét đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp.

Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, nội dung của vụ án. Bị đơn kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi bản chất, nội dung vụ án nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông V.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông V. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị M, buộc ông V phải trả cho bà Trương Thị M số tiền gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi suất là 3.750.000 đồng. Tổng cộng là 33.750.000 đồng (*Ba mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

2. Về án phí: Buộc ông V phải chịu 1.687.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0007616 ngày 05/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm H. Ông V còn phải nộp 1.687.500 đồng (*Một triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

Hoàn trả cho bà Trương Thị M số tiền 862.500 đồng (*Tám trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do ông Hoàng Rung K nộp thay theo biên lai thu số 0007132 ngày 25/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Các Thẩm phán**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Vân**

**Vũ Thị Nguyệt**

**Nguyễn Văn Thanh**

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND huyện Lâm H;
- Chi cục THADS huyện Lâm H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thanh**

**Các Thẩm phán**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Thanh**

**Các Thẩm phán**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Thanh**

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV &THA;
- TAND huyện Lâm H;
- CCTHADS huyện Lâm H;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

## **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Hữu Nhân**





